TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*- Bản án số: **195**/2025/HNGĐ-ST*

- Ngày 22 tháng 12 năm 2025

- V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Thu Hảo**
2. Ông **Võ Thành Dương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Hùng Mạnh**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Khắc Huy** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 630/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 505/2025/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị O**, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Kh N, xã L B, tỉnh Đ Th

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Kh N, xã L B, tỉnh ĐTh

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Thị O trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Bình năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Tâm có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị không còn tình cảm với

anh Tâm nên yêu cầu được ly hôn với anh.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09/07/2015 đang sống chung với anh T. Ly hôn, chị Oanh đồng ý giao anh T tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị Thị O xin ly hôn với anh. Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*:

+ Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị O có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T địa chỉ ấp Kh N, xã LB, tỉnh Đ Th theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đ Th.

Chị Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Thị O và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L B cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị O yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Thị O. Hội đồng xét xử xét thấy theo chị Oanh cho rằng nguyên nhân do anh Tâm có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không trao đổi hàn gắn

tình cảm. Hơn nữa, khi chị O xin ly hôn, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến để trình bày ý kiến về việc chị O xin ly hôn, chứng tỏ anh T cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị O.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị O được ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09/07/2015 đang sống chung với anh T. Ly hôn, chị O đồng ý giao anh T tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị O và anh T sống ly thân nhau, cháu Đ do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của con không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến môi trường sống của cháu. Hơn nữa theo lời khai của cháu Đ có nguyện vọng muốn sống chung với anh T nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được trực tiếp nuôi cháu Đạt. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị O khai không có nhưng anh Nguyễn Văn T không đến trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Thị O là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị O.**

1. Về hôn nhân: Chị Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09/07/2015.

Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Thị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Thị O được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003512 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Thị O đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Thị O, anh Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*** *Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh*;
- *VKSND khu vực 2*;
- *THADS tỉnh*;
- *Các đương sự*;
- *UBND xã L B*;
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Liễu